TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG** Bản án số: 294/2018/DS-PT Ngày: 05-09-2018 V/v: "Chia di sản thừa kế và yêu cầu xác định quyền sở hữu về tài sản (quyền sử dụng đất)".	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

-***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Sâm Hương**;

*Các Thẩm phán:*Ông **Mai Hoàng Khải;**

Bà **Trần Thị Thu Hằng**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Thúy Hằng** là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà **Lê Thị Thắm**, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 29 tháng 8 và 05 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2018/TLPT-DS ngày 03 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp: "Chia di sản thừa kế và yêu cầu xác định quyền sở hữu về tài sản (quyền sử dụng đất)".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 67/2018/DS-ST ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè bị kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2018/QĐ-PT ngày 10/7/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông **Nguyễn Bá C**, sinh năm 1942.

Địa chỉ: ấp AH, xã HH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

1.2. Bà **Lê Thị N**, sinh năm 1946.

Địa chỉ: ấp AL, xã HH, huyện cb, tỉnh Tiền Giang.

1.3. Bà **Nguyễn Thị S (S A)**, sinh năm 1950.

Địa chỉ: ấp AB, xã AC, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C, bà N và bà S: Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1957. (có mặt)

Địa chỉ: Số F, đường K, tổ H, khu phố N, phường A, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị L (R)**, sinh năm 1958.(có mặt)

Địa chỉ: ấp AH, xã HH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Nguyễn Thị Tuyết Nh (U)**, sinh năm 1956.(xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp MT, xã MH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

3.2. Anh **Nguyễn Quốc N**, sinh năm 1971.(xin vắng mặt)

3.3. Chị **Huỳnh Thị P**, sinh năm 1975.(xin vắng mặt)

3.4. Cháu **Nguyễn Nhật Phương T**, sinh năm 1996.(xin vắng mặt)

3.5. Cháu **Nguyễn Nhật Phương T1**, sinh năm 2002.

Đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Nhật Phương T1 là anh Nguyễn Quốc N và chị Huỳnh Thị P.

Cùng địa chỉ: ấp AB, xã AC, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

3.6. Anh **Trần Thanh T**, sinh năm 1979.(xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp AH, xã HH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

3.7. Anh **Nguyễn Duy C1**, sinh năm 1987.(xin vắng mặt)

HKTT: ấp MT, xã MH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: ấp AH, xã HH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

3.8. Chị **Võ Thị Hồng S**, sinh năm 1991.(xin vắng mặt)

HKTT: ấp MT, xã MH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: ấp AH, xã HH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

4. Cơ quan kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè,tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 15/02/2017 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Văn D là đại diện uỷ quyền các nguyên đơn trình bày:

Cha mẹ của các nguyên đơn là cụ Nguyễn Văn D, sinh năm 1914 (chết ngày 05/4/1999) và cụ Tăng Thị N1, sinh năm 1917 (chết ngày 02/7/1998) hai cụ có 05 người con gồm: Ông Nguyễn Bá C, sinh năm 1942; bà Lê Thị N, sinh năm 1946; bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1950; bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị Tuyết Nh, sinh năm 1965. Khi cụ D và cụ N1 chết không có để lại di chúc, có để lại tài sản là thửa đất số 1030, diện tích 3.826 m^2, tờ bản đồ số DHHC3 toạ lạc tại ấp AH, xã HH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang được UBND huyện CB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 39 ngày 02/12/1997 do cụ Nguyễn Văn D đại diện hộ gia đình đứng tên. Hiện tại qua đo đạc thực tế được tách thành 02 thửa: thửa số 117, diện tích 2.875,2m^2 (nằm bên trong bờ đê) và thửa 116, diện tích 252,6m^2 (nằm bên ngoài bờ đê). Nhưng hiện tại thửa 116, diện tích 252,6m^2 bị thuỷ triều xói mòn, lở toàn bộ diện tích đất 252,6m^2 xuống sông.

Trên phần đất thửa số 117, diện tích 2.875,2m^2 (nằm bên trong bờ đê) có căn nhà bà L cất và bà L có cho anh Nguyễn Quốc N là con ruột của bà Nguyễn Thị S diện tích 100m^2 để cất nhà ở. Trước đây các nguyên đơn có thoả thuận để lại 1.000m^2 đất làm khu mồ mã còn lại chia đều cho các anh chị em nhưng phía bà L không đồng ý, nên các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung ra TAND huyện Cái Bè giải quyết tại bản án số 105/DSST ngày 19/8/2015 quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện các nguyên đơn. Sau đó, các nguyên đơn

làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm tại bản án dân sự phúc thẩm số 503/DSPT ngày 23/12/2015 của TAND tỉnh Tiền Giang quyết định chấp nhận một phần kháng cáo của các nguyên đơn sửa bản án sơ thẩm xác định phần diện tích đất này là di sản của cụ D và cụ N1 để lại và việc đăng ký kê khai do những người ở hàng thừa kế tự đăng ký kê khai với nhà nước theo quy định pháp luật.

Do đó, nay các nguyên đơn yêu cầu chia phần đất thửa số 117,diện tích 2.875,2m^2 (nằm bên trong bờ đê) nhưng qua đo đạc thực tế diện tích là 2.919,2m^2 chia theo quy định pháp luật, nhưng các nguyên đơn ông C, bà N và bà S chỉ yêu cầu được chia mỗi người 400m^2. Còn đối với căn nhà do bà L cất các nguyên đơn không có ý kiến gì. Đối với yêu cầu phản tố của bà L xác định phần đất này là của bà L thì các nguyên đơn không đồng ý.

* Tại đơn phản tố, bản tự khai ngày 24/4/2017 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ ánvà tại phiên toà sơ thẩm bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Cha mẹ của bà là cụ Nguyễn Văn D, sinh năm 1914 (chết ngày 05/4/1999) và cụ Tăng Thị N1, sinh năm 1917 (chết ngày 02/7/1998) hai cụ có 09 người con nhưng 02 anh, 02 chị đã chết lúc nhỏ còn lại 05 người con gồm: Ông Nguyễn Bá C, sinh năm 1942; bà Lê Thị N, sinh năm 1946; bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1950; bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị Tuyết Nh, sinh năm 1965. Khi cụ D và cụ N1 chết không có để lại di chúc, có để lại tài sản là thửa đất số 1030, diện tích 3.826 m^2, tờ bản đồ số DHHC3 toạ lạc tại ấp AH, xã HH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang được UBND huyện CB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 39 ngày 02/12/1997 do cụ Nguyễn Văn D đại diện hộ gia đình đứng tên. Hiện tại qua đo đạc thực tế được tách thành 02 thửa: thửa số 117, diện tích 2.875,2m^2 (nằm bên trong bờ đê) và thửa 116, diện tích 252,6m^2 (nằm bên ngoài bờ đê). Nhưng hiện tại thửa 116, diện tích 252,6m^2 bị thuỷ triều xói mòn, lở toàn bộ diện tích đất 252,6m^2 xuống sông.

Trên phần đất thửa số 117, diện tích 2.875,2m^2 (nằm bên trong bờ đê) bà L có cất căn nhà kiên cố vào năm 2012 và có cho anh Nguyễn Quốc N con của bà Nguyễn Thị S phần diện tích đất khoảng 100 m^{2}để cất nhà ở. Lúc cha mẹ bà còn sống đau bệnh các anh chị em không ai lo thuốc than, cha bà kêu bán đất để trả nợ còn lại phân nữa đất để thờ cúng ông bà nhưng bà không bán mà cố gắn làm trả nợ để giữ lại phần đất như ngày hôm nay.

Nay bà L không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của các nguyên đơn, vì để phần đất này thờ cúng ông bà, nên yêu cầu Toà án bác đơn yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Bà L có đơn yêu cầu phản tố xác định phần đất này là thuộc quyền sở hữu của bà, còn anh N có cất nhà trên đất để ở thì bà L vẫn đồng ý cho ở nếu không ở thì dỡ nhà đi trả lại đất.

* Tại biên bản ghi lời khai ngày 17/4/2017 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết Nh trình bày: Thống nhất với các nguyên đơn và bị đơn về hàng thừa kế. Nhưng không đồng ý chia di sản thừa kế theo yêu cầu của các nguyên đơn. Bởi vì khi cha mẹ còn sống thì bà L là người lo thuốc than, đám tiệc không có chị em nào giúp. Sau khi cha mẹ mất bà L cũng lo thờ cúng, đám giỗ, hiện tại bà L cũng đã già không có công ăn việc làm nên hoàn cảnh cũng khó

khăn. Bà Nh thống nhất với yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị L. Đối với phần di sản thừa kế do cha mẹ bà để lại thì bà không có yêu cầu chia hay tranh chấp gì, mà để cho các nguyên đơn, bị đơn trong vụ án tranh chấp bà không có ý kiến gì.

* Tại bản tự khai ngày 03/5/2017 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quốc N và chị Huỳnh Thị P trình bày:

Anh N là con ruột của bà Nguyễn Thị S, chị P vợ anh là dâu của bà S vào năm 2012 do không có chỗ ở nên bà L có cho anh N và chị P phần diện tích đất khoảng 90m^2 để cất nhà ở, trong thửa số 117, diện tích 2.875,2m^2. Nay ông C, bà N và bà S kiện bà L yêu cầu chia thừa kế phần di sản của cụ D và cụ N1 thì anh N và chị P không có ý kiến tranh chấp gì, mà yêu cầu Toà án xem xét giải quyết theo yêu cầu của các nguyên đơn.

* Tại bản tự khai ngày 18/4/2017 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Thanh T trình bày:

Vào năm 2012 anh có hỏi bà L là người đang quản lý phần đất tranh chấp để xây dựng đường băng tải để chuyền trấu được bà L đồng ý. Nay các nguyên đơn tranh chấp yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất mà bà L đang quản lý thì anh T không có ý kiến gì, nếu như Toà án giải quyết chia phần diện tích đất cho ai thì anh T sẽ tự nguyện tháo dỡ di dời băng tải này.

* Tại bản tự khai ngày 11/6/2017 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Duy C1 và chị Võ Thị Hồng S trình bày:

Anh C1 là con ruột của bà Nguyễn Thị Tuyết Nh, chị S là con dâu của bà Nh, vào năm 2017 anh C1 và chị S có cất một quầy thuốc tây ngang 4m dài 5m trên phần đất đang tranh chấp. Nay các nguyên đơn ông C, bà N, bà S tranh chấp với bà L yêu cầu chia thừa kế thì anh chị không có ý kiến gì.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 67/2018/DS-ST ngày 24/42018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Bá C, bà Lê Thị N, bà Nguyễn Thị S.

- Chia cho bà Nguyễn Thị S phần diện tích đất 400m^2 có ký hiệu trong sơ đồ là T-1, T-2, T-3, T-4 trong thửa số 117 diện tích thực đo 2.919,2m^2 có vị trí tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp đường làn nghề nhựa 6,24m.

Hướng Tây giáp sông Cái Bè 4,86m.

Hướng Nam giáp phần đất chia cho bà Lê Thị N 71,96m.

Hướng Bắc giáp phần đất Trần Thanh T 74,70m.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị S hoàn trả giá trị cây trồng cho bà Nguyễn Thị L số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Chia cho bà Lê Thị N phần diện tích đất 400m^2 có ký hiệu trong sơ đồ là T-5, T-6 trong thửa số 117diện tích thực đo 2.919,2m^2 có vị trí tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp đường làn nghề nhựa 6,08m.

Hướng Tây giáp sông Cái Bè 5,85m.

Hướng Nam giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị L 69,12m.

Hướng Bắc giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị S 71,96m.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị N hoàn trả giá trị cây trồng cho bà Nguyễn Thị L số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Chia cho ông Nguyễn Bá C phần diện tích đất 400m^{2}có ký hiệu trong sơ đồ là T-11, T-12 trong thửa số thửa số 117diện tích thực đo 2.919,2m^2 có vị trí tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp đường làn nghề nhựa 25,44m.

Hướng Tây giáp sông Cái Bè 7,28m.

Hướng Nam giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị L 57,66m.

Hướng Bắc giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị L 61,02m.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Bá C hoàn trả giá trị cây trồng cho bà Nguyễn Thị L số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Chia cho bà Nguyễn Thị L phần diện tích đất 1531,30m^2 có ký hiệu trong sơ đồ là T-7, T-8, T-9, T-10, T-13, T-14 và giao phần khu mộ cho bà Nguyễn Thị L quản lý diện tích 187,9m^2 có ký hiệu trong sơ đồ là T-15 trong thửa số 117diện tích thực đo 2.919,2m^2 có vị trí tứ cận như sau:

+ Phần diện tích đất chia cho bà Nguyễn Thị L 1131,3m^2 có ký hiệu trong sơ đồ là T-7, T-8, T-9, T-10 có vị trí tứ cận:

Hướng Đông giáp đường làn nghề nhựa 25,44m.

Hướng Tây giáp sông Cái Bè 10,51m.

Hướng Nam giáp đất chia cho ông Nguyễn Bá C 61,02m.

Hướng Bắc giáp đất chia cho bà Lê Thị N 69,12m.

+ Phần diện tích đất chia cho bà Nguyễn Thị L 400m^2 có ký hiệu trong sơ đồ là T-13, T-14 có vị trí tứ cận:

Hướng Đông giáp đường làn nghề nhựa 2,40m và phần khu mộ giao cho bà Nguyễn Thị L quản lý 8,04m.

Hướng Tây giáp sông Cái Bè 14,14m.

Hướng Nam giáp phần khu mộ giao cho bà Nguyễn Thị L quản lý 26,75m và phần đất anh Trần Thanh T 26,05m.

Hướng Bắc giáp phần đất chia cho ông Nguyễn Bá C 57,66m.

+ Phần đất khu mộ giao cho bà Nguyễn Thị L quản lý diện tích 187,9m^2 có ký hiệu trong sơ đồ là T-15 có vị trí tứ cận:

Hướng Đông giáp đường làn nghề nhựa 6,37m.

Hướng Tây giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị L 8,04m.

Hướng Nam giáp phần đất anh Trần Thanh T 25,66m.

Hướng Bắc giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị L 26,75m.

(Phần diện tích đất được chia có sơ đồ đo đạc kèm theo)

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo qui định của pháp luật.

* Ngày 08/5/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè ban hành quyết định kháng nghị số 190/QĐKHPT-VKS-DS với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm số 67/2018/DS-ST ngày 24/42018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân

huyện Cái Bè. Ông Nguyễn Văn D là đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn không đồng ý với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè. Bị đơn bà Nguyễn Thị L không đồng ý với bản án sơ thẩm đã tuyên, đề nghị Hội đồng xét xử chia lại theo đúng quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lí vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng, việc Tòa sơ thẩm xác định phần đất tranh chấp kể trên là di sản thừa kế của cụ D và cụ N1 để lại là không có cơ sở, bởi thửa đất tranh chấp được Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè cấp cho cụ Nguyễn Văn D đại diện hộ gia đình đứng tên năm 1997. Thời điểm này, hộ cụ D có 04 người gồm Nguyễn Văn D, Tăng Thị N1, Nguyễn Thị L và Nguyễn Bá C, hồ sơ tài liệu không có chứng cứ nào có giá trị pháp lý để chứng minh thửa đất trên là di sản thừa kế của cụ D và cụ N1. Nếu chia di sản thừa kế thì bà Nguyễn Thị Tuyết Nh cũng thuộc hàng thừa kế của cụ D và cụ N1, trong quá trình giải quyết vụ án bà Nh có bản tự khai không đồng ý chia di sản thừa kế, nhưng nếu Tòa án chia theo yêu cầu của nguyên đơn thì phần của bà được bao nhiêu bà đồng ý giao lại cho bà L quản lý. Khi giải quyết vụ án Tòa sơ thẩm không chia di sản thừa kế cho bà Nh, không giải quyết gì yêu cầu của bà Nh là làm ảnh hưởng trực tiếp đến đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nh. Thêm nữa, ngày 24/4/2017, bị đơn bà Nguyễn Thị L có đơn phản tố, bà L có đóng tạm ứng án phí, Tòa sơ thẩm có thụ lý yêu cầu phản tố của bà L, nhưng trong phần quyết định của bản án lại không tuyên có chấp nhận hay không chấp nhận đối với yêu cầu của bà L là giải quyết vụ án chưa triệt để. Mặt khác, việc chia di sản thừa kế của bà L thành 02 mảnh riêng biệt như cấp sơ thẩm đã tuyên sẽ gây khó khăn cho việc sử dụng đất của bà L. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện Cái Bè giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quyết định kháng nghị sốsố 190/QĐKHPT-VKS-DS ngày 08/5/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè đúng trong thời hạn luật định và hợp lệ theo quy định tại các Điều 278, 279, và 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Thị Tuyết Nh, Nguyễn Quốc N, Huỳnh Thị P, Nguyễn Nhật Phương T, Trần Thanh T, Nguyễn Duy C1, Võ Thị Hồng S có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự kể trêntheo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, Hội đồng xét xử nhận định:

Lúc sinh thời, cụ Nguyễn Văn D và cụ Tăng Thị N1 có tạo lập được khối tài sản là thửa đất số 1030, diện tích 3.826 m^2, tờ bản đồ số DHHC3 toạ lạc tại ấp AH, xã HH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang được UBND huyện Cái Bè cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số 39 ngày 02/12/1997 do cụ Nguyễn Văn D đại diện hộ gia đình đứng tên. Hiện nay thửa 1030, được tách thành 02 thửa: thửa số 117, diện tích 2.875,2m^2 (nằm bên trong bờ đê) và thửa 116, diện tích 252,6m^2 (nằm bên ngoài bờ đê). Thửa 116, diện tích 252,6m^2 bị thuỷ triều xói mòn, lở toàn bộ xuống sông.Thửa số 117 diện tích thực đo là 2.919,2m^2 hiện nay do bà Nguyễn Thị L quản lý. Trên thửa đất này có khu mộ diện tích 187,9m^2, phần diện tích nhà của bà L cất là 147,30m^2, phần diện tích nhà anh Nguyễn Quốc N con của bà S cất là 95,80m^2, phần diện tích nhà anh Nguyễn Duy C1 con của bà Nh cất là 19,3m^2 và các cây trồng trên đất do bà L trồng.

Cụ Nguyễn Văn D và cụ Tăng Thị N1 có 05 người gồm: ông Nguyễn Bá C, bà Lê Thị N, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị Tuyết Nh, hai cụ không có con ngoài gia thú. Toàn bộ di sản hiện nay bà L đang quản lý, sử dụng nên các nguyên đơn ông C, bà N và bà S khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất thửa số 117, diện tích 2.875,2m^2(diện tích thực đo 2.919,2m^2).

Về thời hiệu khởi kiện, xét thấy, cụ D, sinh năm 1914 (chết ngày 05/4/1999) và cụ N1, sinh năm 1917 (chết ngày 02/7/1998). Căn cứ khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu chia di sản thừa kế của cụ D và cụ N1 vẫn còn.

Về di sản thừa kế, trong quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất thừa nhận thửa số 117, diện tích 2.875,2m^{2}toạ lạc tại ấp AH, xã HH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang là di sản thừa kế do cụ D và cụ N1 để lại. Năm 1997, cụ D đăng ký kê khai và được UBND huyện Cái Bè cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 39 ngày 02/12/1997 cho cụ D đại diện hộ gia đình đứng tên. Mặt dù giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ gia đình, nhưng các người con của cụ D và cụ N1 đều thống nhất toàn bộ thửa đất kể trên là di sản do hai cụ thể lại, đều này phù hợp với nhận định của Bản án dân sự phúc thẩm số 503/2015/DS-PT ngày 23/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xác định diện tích đất tranh chấp là di sản thừa kế của cụ D và cụ N1 để lại. Căn cứ Điều 5 và Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đối với những tình tiết, sự kiện đã rõ ràng mọi người đều biết và được Tòa án thừa nhận thì không phải chứng minh. Tòa án tôn trọng sự tự định đoạt của các đương sự, xác định thửa đất 117 có diện tích đo đạc thực tế 2.919,2m^2 là di sản thừa kế của cụ D và cụ N1 để lại.

Tuy nhiên, việc Tòa sơ thẩm chia thừa kế như bản án đã tuyên là có nhiều sai sót như sau:

Thứ nhất: Ngày 24/4/2017 bà Nguyễn Thị L có đơn phản tố (BL74), yêu cầu Tòa án công nhận phần đất diện tích 2.875,2m^2 toạ lạc tại ấp AH, xã HH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà L. Bà L có đóng tiền tạm ứng án phí đối yêu cầu phản tố của mình. Ngày 03/5/2017, Tòa án cấp sơ thẩm ban hành thông báo thụ lý yêu cầu phản tố của bà L, tuy nhiên trong phần quyết định của bản án lại không nhắc đến yêu cầu của bà L có được chấp nhận hay không?.

Thứ hai: Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/4/2017 (BL54) và biên bản phiên tòa ngày 19/4/2018 bà Nguyễn Thị Tuyết Nh cùng thống nhất trình bày không đồng ý với yêu cầu chia di sản thừa kế, nếu Tòa án chia theo yêu cầu của nguyên

đơn thì phần của bà được hưởng bà đồng ý giao lại cho bà L quản lý, sử dụng. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, chia cho bà S, bà N và ông C mỗi người một phần đất có diện tích 400m^2, riêng bà L được sử dụng phần đất có diện tích 1531,3m^2. Bà Nh cũng là một trong các đồng thừa kế nhưng Tòa sơ thẩm không xác định kỷ phần của bà Nh được hưởng là bao nhiêu để giao lại cho bà L quản lý, sử dụng như bà Nh yêu cầu là làm mất quyền hưởng thừa kế của bà Nh, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nh.

Thứ ba: Về việc xem xét công sức của người quản lý di sản khi phân chia thừa kế: Các đương sự đều thừa nhận sau khi cụ D và cụ N1 chết, toàn bộ di sản làdiện tích 2.875,2m^{2}toạ lạc tại ấp AH, xã HH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang do bà L quản lý, sử dụng. Như vậy, bà L có nhiều công sức quản lý di sản từ năm 1999 đến nay, trong quá trình giải quyết vụ án bà L không yêu cầu xem xét công sức vì bà L cho rằng lúc cha mẹ bà còn sống đau bệnh các anh chị em không ai lo thuốc than, cha bà kêu bán đất để trả nợ còn lại phân nữa đất để thờ cúng ông bà nhưng bà không bán mà cố gắng làm trả nợ để giữ lại phần đất như ngày hôm nay, nên không đồng ý chia thừa kế, mà yêu cầu Tòa án công nhận toàn bộ diện tích đất trên thuộc sở hữu của bà L. Do vậy, yêu cầu của bà L đề nghị xác định quyền sở hữu là lớn hơn yêu cầu xem xét về công sức đóng góp, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét công sức cho bà L là giải quyết vụ án chưa triệt để yêu cầu của đương sự, trái với Án lệ số 05/2016/AL được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 39/2014/DS-GĐT ngày 09-10-2014 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06-4-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao vi phạm khoản 1 Điều 5; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà L.

Thứ tư: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L trình bày thửa 117 hiện nay bị xói mòn không còn đủ diện tích như bản án đã tuyên. Khi giải quyết vụ án Tòa sơ thẩm không đi xem xét thẩm định tại chỗ lại mà sử dụng kết quả đo đạc từ tháng 05/2017 nên diện tích thực đo hiện nay không còn đủ 2.919,2m^2. Thực tế là trong hồ sơ vụ án cũng không có biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của năm 2018 với nội dung là hiện trạng diện tích đất không có gì thay đổi so với kết quả đo đạc năm 2017. Hơn nữa việc Tòa sơ thẩm chia cho bà L phần đất diện tích 1531,3m^{2}nhưng ở hai vị trị tách biệt nhau, không liền lạc sẽ gây nhiều khó khăn cho quá trình sử dụng đất của bà L.

Từ những phân tích trên, xét thấy những thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm là nghiêm trọng, tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được và để đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử. Hội đồng xét xử cần thiết phải hủy bản án dân sự sơ thẩm số 67/2018/DS-ST ngày 24/4/2018của Tòa án nhân huyện Cái Bè. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cái Bè giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với những nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 293, khoản 3 Điều 308, Khoản 1 điều 310, khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 67/2018/DS-ST ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2/ Về án phí:

Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 05 tháng 9 năm 2018. Có mặt ông D, bà L.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND H. Cái Bè;
- Chi cục THADS H. Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚCTHẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Sâm Hương